

Bản án số: 784/2024/HS-PT  
Ngày: 30/8/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Ông Trần Văn Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 511/2024/TLPT- HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thành Vinh; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2024/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị cáo kháng cáo:** Nguyễn Thành V; Sinh ngày: 26/5/1967, tại: TP. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: 84/61 đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 1 đường X, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn L (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T (đã chết); Có vợ: Phạm Thị C, sinh năm 1970 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 29/01/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân”, (Bản án số 24/HSST).

- Ngày 27/01/1997, bị Tòa án quân sự Quân khu 3 xử phạt 20 năm tù về tội “Cướp giật tài sản xã hội chủ nghĩa” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù theo bản án số 24/HSST ngày 29/01/1996 của Tòa án nhân dân Quận 10, Nguyễn Thành V phải chấp hành hình

phạt chung là 20 năm tù. Ngày 18/12/2010, chấp hành xong hình phạt tù, hình phạt bổ sung chưa thi hành.

- Ngày 17/11/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành án tại Trại giam C2 Bộ C3 đến ngày 16/9/2019 ra tù. Đã thi hành xong hình phạt bổ sung vào năm 2017.

Nhân thân:

- Ngày 25/02/1981, bị Công an Q bắt về hành vi “Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân”. Kết quả xác minh tại Công an Q hiện nay không lưu trữ dữ liệu về việc xử lý đối với Nguyễn Thành V.

- Ngày 06/5/1983, bị Công an Q bắt về hành vi “Giết người”. Kết quả xác minh tại Công an Q hiện không lưu trữ dữ liệu về việc xử lý đối với Nguyễn Thành V.

- Ngày 29/8/1986, bị Công an Q bắt về hành vi “Cưỡng bức lao động”. Kết quả xác minh tại Công an Q hiện nay không lưu trữ dữ liệu về việc xử lý đối với hành vi trên.

- Ngày 19/02/1987, bị Công an Q1 bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”. Kết quả xác minh tại Công an Q1, không lưu trữ dữ liệu về việc xử lý đối với V.

- Ngày 01/7/1987, bị Công an Q2 bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”. Kết quả xác minh tại Công an Q2, không lưu trữ dữ liệu về việc xử lý đối với V.

- Ngày 04/4/1988, bị Công an quận P bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”. Kết quả xác minh tại Công an quận P hiện không lưu trữ dữ liệu về việc xử lý đối với Nguyễn Thành V.

- Ngày 07/3/1992, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Chấp hành án tại Trại giam Đ (nay là Trại giam A1) Bộ C3.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2022 – có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thành V: Luật sư Nguyễn Thị Quế A - thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

*(Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không tiến hành triệu tập).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 04/6/2022, tại trước nhà số D D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04), Công an Thành phố H phối hợp với Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (C4), Bộ C3 phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thành V điều khiển xe ô tô biển số 51G-727.67 (trên xe có Phạm Thị C là vợ của V) đang trên đường vận chuyển ma túy với khối lượng đặc biệt lớn. Qua kiểm tra, phát hiện, thu giữ trong cốp xe ô tô có 06 bao tải màu trắng và màu xanh chứa tổng cộng 100 gói chứa ma túy; bên trong mỗi 01 gói màu vàng, xanh chứa chất tinh thể không màu (kết luận giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 99.274,29g Methamphetamine) nên Tổ công tác niêm phong, tạm giữ vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thành V.

Từ lời khai của Nguyễn Thành V, mở rộng điều tra vụ án, vào lúc 06 giờ 30 phút ngày 05/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04), Công an Thành phố H tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn H tại căn hộ D.404 chung cư P, khu dân cư P, ấp A, xã P, huyện N, đã thu giữ vật chứng gồm:

- Trên trần nhà vệ sinh 01 túi nylon màu xanh, in chữ “168 YI LIU BA”, bên trong chứa tinh thể không màu (kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 994,08g Methamphetamine).

- Trong phòng ngủ thứ 2: 03 nỏ thủy tinh, 02 bình thủy tinh và 01 hộp quẹt, 01 túi vải chứa nhiều bạch nylon không chứa gì, 01 cân điện tử, 01 bình nhựa có gắn nỏ thủy tinh, 02 điện thoại di động, 01 máy tính bảng, 01 xe máy biển số 59C3-116.32.

Tiếp tục, vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 05/6/2022, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn H tại nhà số G T, Phường A, Quận D, đã thu giữ vật chứng gồm:

- Trên sàn nhà bếp: 01 vali màu đen đựng 01 túi vải màu vàng, bên trong:
  - + 01 gói màu hồng đựng 02 gói chứa tinh thể không màu (kết luận giám định đều là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1.216,47g Methamphetamine);
  - + 03 gói chứa tinh thể không màu (kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1.383,87g Methamphetamine);
  - + 01 gói màu bạc, bên ngoài được quấn băng keo, bên trong có 02 gói chứa tinh thể không màu (kết luận giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1.732,80g loại Methamphetamine);
  - + 02 gói bên ngoài được quấn băng keo, bên trong chứa nhiều viên nén màu hồng (kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 554,88g MDMA);
  - + 02 gói màu xanh không chứa gì và 01 xe máy biển số 59H1-201.69.

Tổng cộng khối lượng ma túy thu giữ được của Trần Văn H là 8.882,1g, các loại MDMA và Methamphetamine.

Tiếp tục, vào lúc 07 giờ 20 phút ngày 05/6/2022, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thành V tại 1 Xóm C, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả không thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án.

Toàn bộ số ma túy bị thu giữ trong vụ án đã được giám định, kết quả thể hiện tại các Bản kết luận giám định số 3242/KL-KTHS và 3243/KL-KTHS ngày 13/6/2022 của Phòng K Công an Thành phố H (Bút lục 80, 84).

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành V, Trần Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội, như sau:

- Nguyễn Thành V quen biết với Trần Văn H trong thời gian chấp hành án phạt tù tại Trại giam K1, Quân khu G. Khi ra tù, V và H trở về địa phương, thường xuyên liên lạc với nhau. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/6/2022, H gọi điện thoại cho V nói V tìm thuê xe ô tô rồi đến chờ H đi giải quyết công việc, V đồng ý. Sau khi đặt thuê xe ô tô biển số 51G-727.67, V điều khiển đến giao lộ đường K - H, Quận D đón H thì thấy H đứng cùng một người tên L1 (không rõ lai lịch). Lúc này, H đưa cho V 5.000.000 đồng và nói đây là tiền công trả trước cho V để lái xe chở L1 đi An Giang lấy “đồ” về cho H (lúc này H chưa nói cho V biết là đi chở ma túy). Đồng thời, H hứa sau khi xong việc sẽ trả thêm cho V 20.000.000 đồng nên V đồng ý và chở L1 đi về miền T theo chỉ dẫn của L1. Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 03/6/2022, V và L1 đến khu vực Bệnh viện Đ1 thuộc thị xã T, tỉnh An Giang, thì V thấy L1 gọi điện thoại cho một người nào đó và yêu cầu V dừng xe bên đường chờ đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày nhưng không thấy người này đến nên L1 nói V chở về khu vực Thành phố C để nghỉ ngơi. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 04/6/2022, L1 nói V chở L1 quay lại thị xã T. Khi đến khu vực công viên nằm ven sông C thuộc thị xã T, L1 yêu cầu V đậu xe bên lề đường. Cả hai chờ một lúc thì có 02 người đàn ông (không rõ lai lịch) đi bằng “ghe” từ hướng dưới sông C đến gặp L1 nói chuyện (V không nghe được nội dung trao đổi giữa L1 và 02 người đàn ông nêu trên). Sau khi trao đổi xong, 02 người đàn ông này mang 06 bao tải bỏ vào trong cốp xe ô tô (lúc này V biết được bên trong 06 bao tải này có chứa hàng cấm là ma túy); đồng thời, sau khi đã nhận các bao tải trên L1 nói V lái xe chở về lại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 05 giờ 00 phút cùng ngày, V chở L1 về đến khu vực cầu T, Quận G thì L1 nói V dừng xe và L1 xuống xe đi đâu không rõ. Lúc này, Nguyễn Thành V gọi điện thoại báo cho Trần Văn H biết đã chở ma túy về đến Thành phố Hồ Chí Minh, H nói V tiếp tục chở ma túy đến khu vực Quận D để giao cho người của H. Tuy nhiên, do người của H không đến nhận nên H nói V chở ma túy về chung cư nơi H ở tại xã P, huyện N nghỉ ngơi, chờ H liên lạc được với người nhận thì chở đi giao tiếp. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, H nói V chở ma túy về lại khu vực Quận D chờ H liên lạc người nhận và thông báo cho V biết. Khi V điều khiển xe ô tô chở ma túy về Quận D và trong lúc chờ H gọi, thì V đã điện thoại rủ vợ là Phạm Thị C đi ăn tối. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, chủ xe gọi điện thoại yêu cầu V trả xe nên V điện thoại báo cho H biết và H nói V chở ma túy về lại chung cư cho H. Khi V

đang điều khiển xe đến khu vực đường D, xã P, huyện N, chưa kịp giao ma túy cho H thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng như nêu trên.

- Đối với Trần Văn H, về nguồn gốc khối lượng ma túy 8.882,1g, các loại MDMA và Methamphetamine thu giữ tại chỗ ở của H là của một người tên “Khu” (không rõ lai lịch) thuê H cất giấu và đem giao cho người của “Khu” (Khu chưa nói rõ sẽ trả cho H tiền công là bao nhiêu). Tiếp tục, 02/6/2022, đối tượng “Khu” gọi điện thoại nhờ H tìm thuê giúp một tài xế lái xe ô tô để chở người của “Khu” đi về miền T giải quyết công việc, H đồng ý. Sau đó, H điện thoại cho V nói tìm thuê xe ô tô và cùng “Lâm” (là người của “Khu”) mang ma túy từ An Giang về Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/6/2022 và bị Công an phát hiện bắt quả tang như lời khai của V đã trình bày.

Trong quá trình điều tra bổ sung vụ án theo yêu cầu của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (tại Quyết định số 465/2023/HSST-QĐ ngày 22/12/2023). Đến ngày 11/01/2024, Trần Văn H đã chết tại Bệnh viện C5 thuộc Trại giam C6 (cơ sở 2) với nguyên nhân chết: *“Ngưng tim, ngưng thở - Suy hô hấp/Nghiêm trọng vết loét do tì đè độ IV vùng lưng, cùng cụt, chân phải – suy dinh dưỡng – di chứng nhồi máu tăng huyết áp”*, theo Giấy báo tử số 01/2024 ngày 11/01/2024 của Bệnh viện C5 thuộc Trại giam C6 và Thông báo v/v người bị tạm giam chết, số 161/TB-PC11A-Đ1 ngày 11/01/2024 của Trại giam C6, Công an Thành phố H. Kết quả điều tra do bị can Trần Văn H chết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đã ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 1930/QĐ-CSMT-Đ3 ngày 19/02/2024 đối với Trần Văn H, về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có kết luận kiểm sát Quyết định đình chỉ bị can số 54/KLKS-VKS-P1 ngày 21/02/2024.

- Đối với Phạm Thị C khai nhận phù hợp với Nguyễn Thành V về diễn biến sự việc vào buổi tối ngày 04/06/2022, V chở vợ là Phạm Thị C đi ăn tối tại khu vực Quận D. Khi V điều khiển xe ô tô biển số 51G-727.67 chở C đến trước khu vực nhà số D D, xã P, huyện N thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang như đã nêu trên. Quá trình điều tra, C không biết việc V thực hiện vận chuyển ma túy, kết quả điều tra không có tài liệu chứng cứ nào khác để xác định C liên quan đến hành vi phạm tội của V, đồng thời kết quả xét nghiệm C *“âm tính”* với chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04), Công an Thành phố H không có căn cứ để xử lý hình sự và đã giải tỏa cho C về.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

+ Thu giữ của Trần Văn H:

- 02 hộp niêm phong bên ngoài ghi “642/22 PC04 (Gói 1); (Gói 2)” có chữ ký của Giám định viên Bùi Công D và chữ ký của Điều tra viên Trần Vĩnh C1, bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định.

- 01 thùng niêm phong bên ngoài ghi “642/22 PC04 (Gói 3)”, có chữ ký của Giám định viên Bùi Công D và chữ ký của Điều tra viên Trần Vĩnh C1, bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định.

- 01 xe máy biển số 59C3-116.32. Qua xác minh, chủ sở hữu là Trương Thị Thanh L2. Theo trình bày, chị L2 mua xe trên vào khoảng tháng 3/2020 để làm phương tiện đi lại. Do có thời gian chung sống như vợ chồng với Trần Văn H nên vào đầu tháng 6/2022, khi H đến nhà mượn chiếc xe máy để đi công việc thì chị L2 đồng ý và không biết H thực hiện hành vi phạm tội. Lời khai của H phù hợp với trình bày của chị L2 nên ngày 06/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy trên cho chị L2 (Bút lục 127, 129).

- 01 xe máy biển số 59H1-201.69: Trần Văn H khai mua tại một cửa hàng bán xe máy cũ ở Long An (không nhớ tên và địa chỉ) với giá 14.000.000 đồng và không còn lưu giữ các giấy tờ mua bán xe. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh kết quả: xe do Hoàng Thị Tú L3 đứng tên chủ sở hữu, hiện nay chị L3 đã đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đã đăng báo tìm chủ sở hữu của xe máy nêu trên nhưng đến nay chưa có người đến liên hệ giải quyết.

- 02 điện thoại di động (01 hiệu Xiaomi và 01 hiệu Redmi); 01 máy tính bảng hiệu SamSung; 02 nỏ thủy tinh; 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 cái bật lửa; 01 túi vải; 01 vali màu đen; 01 cân điện tử và nhiều gói nylon không chứa gì.

Đối với vật chứng thu giữ của Trần Văn H đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H chuyển vật chứng đến Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2023/340 ngày 21/6/2023 để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giải quyết theo quy định.

+ Thu giữ của Nguyễn Thành V:

- 01 thùng niêm phong bên ngoài ghi “643/2022 PC04”, có chữ ký của Giám định viên Bùi Công D và chữ ký của Điều tra viên Trần Vĩnh C1, bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định.

- 01 thùng niêm phong bên ngoài ghi “643/22 PC04”, có chữ ký của Giám định viên Bùi Công D và chữ ký của Điều tra viên Trần Vĩnh C1, bên trong là mẫu vật còn lại sau khi giám định.

- 02 điện thoại di động hiệu Iphone (01 cái màu trắng bạc và 01 cái màu đen).

- 01 xe ô tô biển số 51G-727.67. Qua xác minh chủ sở hữu là Lê Anh P. Ngày 02/6/2022, ông P cho ông Phan Châu T1 thuê xe với giá 900.000 đồng/ngày, sau đó ông T1 cho Nguyễn Thành V thuê lại với giá 1.200.000 đồng/ngày, thời gian thuê từ 20 giờ ngày 02/6/2022 đến 20 giờ ngày 04/6/2022. Việc V sử dụng

xe ô tô trên vào việc phạm tội thì ông T1 và ông P không biết. Lời khai của ông V phù hợp với lời khai của ông T1 và P. Do đó ngày 29/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô cho ông P (Bút lục 119, 120).

+ Thu giữ của ông Lê Anh P:

- 01 xe máy biển số 59X2-473.93. Lê Anh P trình bày xe này do Nguyễn Thành V dùng thế chấp khi thuê xe ô tô biển số 51G-727.67 vào ngày 02/6/2022. Kết quả xác minh xe do Lê Văn L4 là chủ sở hữu. Ngày 02/6/2022, L4 cho em trai tên Nguyễn Thành V mượn đi công việc. Ông L4 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thành V. Ngày 06/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy cho ông L4 (Bút lục 124, 126).

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2024/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 250; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thành V: Tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2022, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 5 năm 2024 bị cáo Nguyễn Thành V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định.

Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo vận chuyển ma túy với số lượng đặc biệt lớn; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức án tử hình là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa được ra tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:* bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trước đó bị cáo đã có tiền án, tiền sự nhưng từ 2017 bị cáo đã hoàn lương, làm ăn lương thiện. Bị cáo thật sự muốn trở thành người có ích cho xã hội. Do đó đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo có cơ hội trở lại.

*Lời nói sau cùng của bị cáo:* bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo được trở về chăm sóc cho gia đình và con bị bại não.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, ý kiến tranh luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành V trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã quy kết, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản tự khai, biên bản hỏi cung, vật chứng vụ án, kết luận giám định cùng tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định:

Nguyễn Thành V quen biết với Trần Văn H trong thời gian đi chấp hành án phạt tù. Khi ra tù trở về địa phương, V và H thường xuyên liên lạc với nhau. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/6/2022, H gọi điện thoại cho V nói V tìm thuê xe ô tô chở H đi giải quyết công việc, V đồng ý và thuê xe ô tô đi đến giao lộ đường K - H, Quận D đón H thì thấy H đang đứng cùng một người tên L1 (không rõ lai lịch). H kêu V lái xe chở L1 đi An Giang lấy “đồ” về cho H rồi đưa cho V 5.000.000 đồng tiền công trả trước và hứa sau khi xong việc sẽ trả thêm cho V 20.000.000 đồng nữa nên V đồng ý chở L1 đi về miền T theo chỉ dẫn của L1. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 04/6/2022, L1 nói V chở L1 đến thị xã T. Khi đến khu vực công viên nằm ven sông C thuộc thị xã T, L1 yêu cầu V đậu xe bên lề đường. Cả hai chờ một lúc thì có 02 người đàn ông (không rõ lai lịch) đi bằng “ghe” từ hướng dưới sông C đến gặp L1 nói chuyện, xong 02 người này mang 06 bao tải bỏ vào trong cốp xe ô tô. V biết được bên trong 06 bao tải này có chứa hàng cấm là ma túy. Sau khi đã nhận các bao tải trên L1 nói V lái xe về lại Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 05 giờ 00 phút cùng ngày, V chở L1 về đến khu vực cầu T, Quận G thì L1 nói V dừng xe và L1 xuống xe đi đâu không rõ. V gọi điện thoại báo cho Trần Văn H biết đã chở ma túy về đến Thành phố Hồ Chí Minh, H nói V tiếp tục chở ma túy đến khu vực Quận D để giao cho người của H. V điều khiển xe ô tô chở ma túy về Quận D và trong lúc chờ H thì V đã gọi điện thoại rủ vợ là Phạm Thị C đi ăn tối. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, H gọi điện thoại nói V chở ma túy về lại chung cư cho H. Khi V điều khiển xe ô tô đến khu

vực đường D, xã P, huyện N, chưa kịp giao ma túy cho H thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong cốp xe ô tô V đang điều khiển có 06 bao tải màu trắng và màu xanh chứa tổng cộng 100 gói chứa ma túy, bên trong mỗi 01 gói màu vàng, xanh chứa chất tinh thể không màu (kết luận giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 99.274,29g Methamphetamine).

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn H tại căn hộ D.404 chung cư P, ấp A, xã P, huyện N, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của Trần Văn H tổng cộng 8.882,1g ma túy các loại MDMA và Methamphetamine.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thành V tại 1 Xóm C, Phường A, Quận D, Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án.

Toàn bộ số ma túy bị thu giữ trong vụ án đã được giám định, tại các Bản kết luận giám định số 3242/KL-KTHS và 3243/KL-KTHS ngày 13/6/2022 của Phòng K Công an Thành phố H (Bút lục 80, 84).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh V1 đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thành V là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm nguy hiểm cho xã hội; đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy; là nguyên nhân làm cho tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng, là nguồn gốc phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo biết và phải biết “*hàng*” mà bị cáo vận chuyển là ma túy, hành vi này bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Đặc biệt, số lượng ma túy mà bị cáo vận chuyển là vô cùng lớn 99.274,29g Methamphetamine (gấp gần 100 lần mức khởi điểm của khung hình phạt); bị cáo lại có nhân rất xấu, nhiều tiền án, tiền sự mà chưa được xóa án tích; hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*”. Do đó, cần phải xem xét áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhất, tương xứng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; tuyên phạt bị cáo mức án cao nhất - tử hình là phù hợp với quy định của pháp luật; đảm bảo công tác giáo dục, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác so với các tình tiết đã được xem xét tại cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm bào chữa của Luật sư là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành V; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2024/HS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Tuyên xử:*

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 250; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V tử hình về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2022, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

**2.** Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Thành V phải chịu 200.000 đồng.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Hòa**

**Trần Văn Đạt**

**Lê Văn An**